

**CÔNG TY TNHH VERAMINE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VERAMINE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VERAMINE VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109150807

**3. Ngày thành lập:** 31/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9, ngõ 2, Phố Cầu Đất, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                   | 4651(Chính) |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                    | 4652        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                      | 4610        |
| 4.  | Xuất bản phần mềm<br>(Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                               | 5820        |
| 5.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                 | 6201        |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                   | 6202        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                           | 6209        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299        |
| 9.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4741        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(Loại trừ các hoạt động thuộc danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                    | 7120 |
| 11. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                  | 6311 |
| 12. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230 |
| 14. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí<br>(Loại trừ hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi)                                                                                                                                                             | 6399 |
| 15. | Cổng thông tin<br>Loại trừ hoạt động báo chí<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                        | 6312 |
| 16. | Quảng cáo<br>(Loại trừ các hoạt động, hàng hóa thuộc danh mục ngành nghề, hoạt động cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(Không bao gồm hoạt động thiết kế).                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410 |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)<br>(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 4791 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN DUY LÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/01/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011835588

Ngày cấp: 15/01/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 23B Hàng Tre, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 23B Hàng Tre, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội